

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán đề án:

**Hợp tác liên kết sản xuất và tiêu thụ giống lúa KH1 (DT100)
và Bắc thom 7 (BT7) năm 2019**

(thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới 2019)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Quyết định 62/ 2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;

Căn cứ Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 04/3/2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc giao kế hoạch vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia năm 2019;

Căn cứ Tờ trình số 43/TTr-TTĐVNN ngày 30 tháng 6 năm 2019 của Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện về việc xin thẩm định và phê duyệt dự án: Hợp tác liên kết trong sản xuất và tiêu thụ giống lúa KH1 (DT100) và Bắc thom 7 (BT7) năm 2019;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 84/BCTĐ-NNPTNT ngày 09/7/2019 của phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện về việc thẩm định đề án: Hợp tác liên kết trong sản xuất và tiêu thụ giống lúa KH1 (DT100) và Bắc thom 7 (BT7) năm 2019;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 908/TTr-TCKH ngày 19 tháng 8 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán đề án Hợp tác liên kết trong sản xuất và tiêu thụ giống lúa KH1 (DT100) 150ha và Bắc thom 7 (BT7) 50ha năm 2019, với những nội dung sau:

1. Tên đề án: Hợp tác liên kết trong sản xuất và tiêu thụ giống lúa KH1 (DT100) và Bắc thom 7 (BT7) năm 2019.

2. Hạng mục đầu tư:

- Hỗ trợ 50% kinh phí mua giống lúa cho quy mô 200 ha.



- Hỗ trợ 100% kinh phí tập huấn, hội nghị đầu bờ, quản lý dự án, khảo sát đề án và chi khác.

- Hỗ trợ 07% kinh phí thuốc BVTV và thuốc diệt cỏ, phân bón các loại và một số vật tư thiết yếu khác.

3. Địa điểm thực hiện: HTX NN Phú Hồ; HTX NN Vinh Hà và HTX NN Vinh Thái - huyện Phú Vang.

4. Thời gian thực hiện: năm 2019.

5. Đơn vị chủ đầu tư: Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện.

6. Đơn vị điều hành thực hiện: UBND xã Phú Lương và UBND xã Vinh Hà.

7. Đơn vị thực hiện HTX NN Phú Hồ; HTX NN Vinh Hà và HTX NN Vinh Thái.

8. Đơn vị phối hợp thực hiện: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

9. Đơn vị thẩm định: Phòng Nông nghiệp và PTNT, phòng Tài chính Kế hoạch huyện.

10. Đơn vị tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật: Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện.

11. Dự toán kinh phí:

Tổng giá trị dự toán: **4.798.420.000 đồng (Bốn tỷ, bảy trăm chín mươi tám triệu, bốn trăm hai mươi ngàn đồng chẵn).**

12. Nguồn vốn: (Nguồn vốn CT nông thôn mới năm 2019)

- Ngân sách Nhà nước : 320.000.000 đồng (6,67%)

- Nhân dân đóng góp : 4.478.420.000 đồng (93,33%)

(Có chi tiết kèm theo)

Điều 2. Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện có trách nhiệm phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT, HTX NN Phú Hồ, HTX NN Vinh Hà và HTX NN Vinh Thái cùng các hộ dân tổ chức thực hiện mô hình theo đúng nội dung quy định tại Điều 1 và Quyết toán dự án theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2572/QĐ-UBND ngày 22/8/2019.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính Kế hoạch huyện, Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Giám đốc Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện, Chủ tịch UBND xã Phú Hồ, Chủ tịch UBND xã Vinh Hà, Chủ tịch UBND xã Vinh Thái, Giám đốc Hợp tác xã nông nghiệp Phú Hồ, Giám đốc Hợp tác xã nông nghiệp Vinh Hà, Giám đốc Hợp tác xã nông nghiệp Vinh Thái, các hộ dân tham gia đề án và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;

- Lưu:

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Chính

PHỤ LỤC: DỰ TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ ĐỀ ÁN MÔ HÌNH HỢP TÁC LIÊN KẾT TRONG SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ GIỐNG LÚA KHI VÀ BT7
 NĂM 2019 TẠI PHƯỜNG PHU MINH THÁI VÀ VINH HÀ, HUYỆN PHÚ VANG

Kèm theo Quyết định số: 3015/QĐ-UBND ngày 16 / 9 /2019 của UBND huyện Phú Vang

ĐVT: đồng

TT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn kinh phí			
						Tỷ lệ (%)	Nhà nước hỗ trợ	Tỷ lệ (%)	Nhân dân đóng góp
I	Vật tư mô hình, giống				2.134.000.000		295.580.000		1.838.420.000
1	Giống	Kg	20.000		340.000.000	50	170.000.000	50	170.000.000
a	BT7 (50 ha)	Kg	5.000	17.000	85.000.000	50	42.500.000	50	42.500.000
b	KHI (150 ha)	Kg	15.000	17.000	255.000.000	50	127.500.000	50	127.500.000
2	Phân Vi sinh	Kg	20.000	2.500	50.000.000	7,0	3.500.000	93,0	46.500.000
3	NPK (16-16-8)	Kg	100.000	10.000	1.000.000.000	7,0	70.000.000	93,0	930.000.000
4	Đạm Urê	Kg	12.000	11.000	132.000.000	7,0	9.240.000	93,0	122.760.000
5	Kali	Kg	12.000	11.000	132.000.000	7,0	9.240.000	93,0	122.760.000
6	Vôi	Kg	80.000	2.000	160.000.000	7,0	11.200.000	93,0	148.800.000
7	Thuốc BVTV 200 ha	ha	200	1.200.000	240.000.000	7,0	16.800.000	93,0	223.200.000
8	Thuốc diệt cỏ 200 ha	ha	200	400.000	80.000.000	7,0	5.600.000	93,0	74.400.000
II	Công lao động				2.640.000.000	0	0	0	2.640.000.000
1	Làm đất (cây bừa)	ha	200	3.000.000	600.000.000				600.000.000
2	Gieo sạ	Công	1.200	200.000	240.000.000				240.000.000
3	Chăm sóc	Công	6.000	200.000	1.200.000.000				1.200.000.000
4	Thu hoạch	ha	200	3.000.000	600.000.000				600.000.000
III	Chi phí chung				24.420.000		24.420.000	0	0
1	Tập huấn (2 lớp, mỗi lớp 30 người)				9.750.000		9.750.000		0
-	Hỗ trợ học viên tập huấn	Người	90	50.000	4.500.000	100	4.500.000		0
-	Tài liệu tập huấn	Bộ	90	15.000	1.350.000	100	1.350.000		0
-	Nước uống	Người	90	20.000	1.800.000	100	1.800.000		0
-	Phụ cấp người đứng lớp	Người	3	300.000	900.000	100	900.000		0
-	Thuê máy chiếu	Bộ	3	400.000	1.200.000	100	1.200.000		0
2	Hội nghị đầu bờ (1 lần)				9.750.000		9.750.000		0
-	Hội nghị đầu bờ	Người	90	50.000	4.500.000	100	4.500.000		0
-	Tài liệu phục vụ	Bộ	90	15.000	1.350.000	100	1.350.000		0

TT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn kinh phí		
						Tỷ lệ (%)	Nhà nước hỗ trợ	Tỷ lệ (%)
-	Nước uống	Người	90	20.000	1.800.000	100	1.800.000	0
-	Thuê máy chiếu	Bộ	3	400.000	1.200.000	100	1.200.000	0
-	Phụ cấp người đứng lớp	Người	3	300.000	900.000	100	900.000	0
3	Phụ cấp cán bộ kỹ thuật	Tháng	4	70.000	2.240.000	100	2.240.000	0
4	Bảng hiệu mô hình	Cái	3	200.000	600.000	100	600.000	0
5	Hỗ trợ khảo sát lập đề án 2 người, 3 ngày	ngày	3	200.000	1.200.000	100	1.200.000	0
6	Hỗ trợ Chi phí quản lý dự án, khác...				880.000	100	880.000	0
	Tổng				4.798.420.000	0	320.000.000	0
								4.478.420.000

